SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK LẮK
TRƯỜNG THPT TRẦN ĐẠI NGHĨA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 123 /KH-TĐN

Ea Nuôl, ngày 01 tháng 10 năm 2026

KẾ HOẠCH
GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2026-2027

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 và Luật số 123/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Luật Nhà giáo số 73/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

Căn cứ Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học phổ thông, có hiệu lực từ ngày 10/5/2026;

Căn cứ Quyết định số 2758/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tăng cường kỷ cương; xây dựng văn hóa trung thực, liêm chính và thực chất trong các hoạt động giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông và các văn bản sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành;

Căn cứ Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 13/2026/TT-BGDĐT ngày 09/3/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 24/2024/TT-BGDĐT;

Căn cứ Công văn số 5208/BGDĐT-GDPT ngày 07/8/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2026 - 2027;

Căn cứ Quyết định số 2308/QĐ-BGDĐT ngày 06/8/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học 2026 - 2027 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Công văn số 3136/SGDĐT-GDPT ngày 16 tháng 9 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Lắk về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2026 - 2027;

Căn cứ kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục năm học 2025 - 2026, kết quả phân tích chất lượng giáo dục và kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026;

Căn cứ tình hình đội ngũ, học sinh, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và điều kiện thực tế của nhà trường;

Trường THPT Trần Đại Nghĩa xây dựng Kế hoạch giáo dục năm học 2026 - 2027 như sau:

I. BỐI CẢNH GIÁO DỤC CỦA NHÀ TRƯỜNG

1. Bối cảnh bên ngoài

Nhà trường đóng trên địa bàn còn nhiều khó khăn về điều kiện kinh tế - xã hội; học sinh đến từ nhiều nhóm dân tộc, điều kiện học tập và mức độ tiếp nhận chương trình không đồng đều. Đây là yếu tố cần được tính đến trong phân hóa dạy học, phụ đạo, tư vấn và hỗ trợ học sinh.

Việc triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp và yêu cầu tăng cường quản trị nhà trường đặt ra yêu cầu chuẩn hóa dữ liệu, giảm thủ tục hành chính, nâng cao trách nhiệm giải trình và phối hợp giữa nhà trường với chính quyền, cha mẹ học sinh.

Chương trình GDPT 2018 tiếp tục là nền tảng tổ chức dạy học ở cả ba khối lớp; yêu cầu năm học 2026 - 2027 tập trung vào thực hiện hiệu quả chương trình, đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá và nâng cao chất lượng giáo dục thực chất.

Công văn 5208/BGDĐT-GDPT xác định 05 nhiệm vụ chung: thực hiện hiệu quả CTGDPT; bảo đảm giáo dục bắt buộc và công bằng; bảo đảm đội ngũ, cơ sở vật chất; đổi mới quản lý, chuyển đổi số; xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, dân chủ, kỷ cương.

Sự phát triển của công nghệ số và trí tuệ nhân tạo vừa tạo cơ hội nâng cao chất lượng dạy học, vừa yêu cầu nhà trường tăng cường năng lực số, kỹ năng sử dụng AI có trách nhiệm và kiểm soát việc sử dụng công nghệ của học sinh.

2. Bối cảnh bên trong

Năm học 2026 - 2027, nhà trường có 67 CB-GV-NV, gồm 3 cán bộ quản lý, 57 giáo viên và 7 nhân viên; đội ngũ đoàn kết, trách nhiệm, có trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu thực hiện CTGDPT 2018.

Nhà trường có truyền thống đoàn kết, các phong trào thi đua lành mạnh, phong trào văn hóa - văn nghệ, thể dục thể thao mạnh; đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 và kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 2.

Cơ sở vật chất cơ bản đáp ứng được nhu cầu tối thiểu để thực hiện nhiệm vụ: có 28 phòng học kiên cố, 2 phòng máy tính, 1 thư viện, 3 phòng thí nghiệm và 1 nhà đa năng; tuy nhiên vẫn còn thiếu đồng bộ, một số thiết bị thí nghiệm, bàn ghế và thiết bị nghe nhìn cần tiếp tục bổ sung.

Đội ngũ còn thừa thiếu cục bộ giữa các môn; một số môn/hoạt động giáo dục còn khó bố trí giáo viên chuyên môn. Việc lựa chọn tổ hợp môn phải cân đối giữa nguyện vọng học sinh, đội ngũ và điều kiện cơ sở vật chất.

Học sinh có tỷ lệ học sinh dân tộc thiểu số cao; cần tăng cường giáo dục dân tộc, hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, chống bỏ học và nâng cao năng lực tự học.

3. Kết quả nổi bật và vấn đề cần ưu tiên từ năm học 2025 - 2026

Phân tích kết quả thi tốt nghiệp THPT cho thấy tỷ lệ tốt nghiệp năm 2026 đạt 99,15% (349/352 thí sinh), nhưng điểm thi thực tế trung bình chỉ đạt 5,01 điểm,

thấp hơn điểm học bạ trung bình 6,94 điểm; chênh lệch là 1,94 điểm. Có 187/352 học sinh (53,12%) có điểm thi trung bình dưới 5,0 nhưng vẫn đỗ nhờ điểm học bạ. Đây là chỉ báo quan trọng để nhà trường chuyển mạnh từ mục tiêu 'đỗ tốt nghiệp' sang 'nâng chất lượng điểm thi thực chất'.

Các môn cần ưu tiên: Tiếng Anh (điểm TB 4,38; 67,44% dưới 5,0), Vật lí (4,71; 63,49% dưới 5,0), Địa lí (4,50; 63,43% dưới 5,0), GDKT&PL (4,81; 55,37% dưới 5,0), Ngữ văn (5,31; 31,34% dưới 5,0). Toán có tiến bộ từ 4,24 lên 4,77 nhưng vẫn là môn có tỷ lệ dưới 5,0 cao.

Kết quả này là căn cứ để xây dựng các nhiệm vụ hoàn thành chất lượng mới, chuẩn hóa kiểm tra đánh giá theo cấu trúc đề thi tốt nghiệp, phân nhóm học sinh, tổ chức thi thử và phân tích lỗi sai, đồng thời tăng cường các lớp bồi dưỡng học sinh khá giỏi.

II. MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ HOÀN THÀNH NĂM HỌC 2026 - 2027

1. Mục tiêu tổng quát

Tổ chức thực hiện đầy đủ, hiệu quả Chương trình GDPT 2018 đối với các khối lớp, tổ hợp môn học lựa chọn; xây dựng môi trường giáo dục an toàn, dân chủ, kỷ cương, thân thiện và hạnh phúc; phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; nâng cao chất lượng giáo dục đại trà và mũi nhọn; đặc biệt nâng cao chất lượng học tập thực chất và kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2027.

Đổi mới quản trị nhà trường theo hướng rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm; tăng cường chuyển đổi số, học bạ số, dữ liệu số và năng lực số; sử dụng AI hỗ trợ dạy học, quản lý và tự học theo hướng an toàn, có trách nhiệm.

Bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục; quan tâm học sinh dân tộc thiểu số, học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh yếu, học sinh có nguy cơ bỏ học vì kinh tế; đồng thời phát hiện, bồi dưỡng và phát huy học sinh có năng lực nổi trội.

2. Các nhiệm vụ hoàn thành chủ yếu

Bảng 1: Nhiệm vụ hoàn thành Khối 12

TT	Nội dung nhiệm vụ	Thực trạng 2026	Nhiệm vụ thực hiện 2026-2027	Tỷ lệ tăng %
1	Tỷ lệ tốt nghiệp THPT	99,15%	100%; không có học sinh rớt do thiếu giải pháp hỗ trợ	
2	Điểm thi thực tế TB toàn trường	5,01	≥ 6,00	0.85
3	Chênh lệch học bạ - điểm thi	1,94	≤ 0,80	Giảm 12
4	HS đỗ nhờ 'học bạ gánh'	53,12%	< 20%	Giảm 34

5	Điểm TB Toán	4,77	≥ 5,50	13.27
6	Điểm TB Ngữ văn	5,31	≥ 6,25	15.04
7	Điểm TB Tiếng Anh	4,38	≥ 5,50	20.36
8	Điểm TB Lịch sử	5,50	≥ 6,0	15.38
9	Điểm TB Vật lí	4,71	≥ 5,50	14.36
10	Điểm TB Hóa học	5,27	≥ 6,00	12.17
11	Điểm TB Sinh học	5,40	≥ 6,25	13.60
12	Điểm TB Địa lí	4,50	≥ 5,50	18.18
13	Điểm TB GDKT&PL	4,81	≥ 5,50	12.55
14	HS có điểm thi <5,0 ở các môn thi	Cao ở nhiều môn	Giảm rõ rệt qua từng đợt thi thử	
15	HS khá, tốt về phẩm chất/năng lực	Theo kết quả đánh giá	≥ 98%	
16	HS bỏ học	Theo thực tế địa bàn	< 2%	
17	HS giỏi cấp tỉnh	Duy trì thành tích	Phấn đấu tăng số lượng và chất lượng giải	

Bảng 2: Nhiệm vụ hoàn thành Khối 10, 11

TT	Môn học	Nhiệm vụ cụ thể	Thực trạng 2025-2026	Mục tiêu 2026-2027	Tỷ lệ tăng /giảm %	Nhiệm vụ phải hoàn thành
1	Toán	Đạt từ 8.0 - 10	29.70%	30.00%	1.01%	Đạt ≥90% Trung bình .
		Đạt từ 6.5 - 7.9	36.10%	35.00%	-3.05%	
		Đạt từ 5.0 - 6.4	23.40%	25.00%	6.84%	
		Đạt từ 3.5 - 4.9	9.40%	9.00%	-4.26%	
		Đạt từ 0 - 3.4	1.40%	1.00%	-28.57%	
		Trên Trung bình (≥5.0)	**89.20%**	**90.00%**	**0.90%**	
2	Ngữ văn	Đạt từ 8.0 - 10	9.40%	11.50%	22.34%	Yêu cầu nâng
		Đạt từ 6.5 - 7.9	49.70%	50.00%	0.60%	

		Đạt từ 5.0 - 6.4	34.00%	34.00%	0.00%	mạnh tỷ lệ điểm Giỏi (8-10) và đạt trên 95% trung bình.
		Đạt từ 3.5 - 4.9	6.70%	4.00%	-40.30%	
		Đạt từ 0 - 3.4	0.19%	1.00%	426.32%	
		Trên Trung bình (≥5.0)	**93.20%**	**95.00%**	**1.93%**	
3	Tiếng anh	Đạt từ 8.0 - 10	6.70%	11.50%	71,64%	Môn học cần tập trung kéo giảm tỷ lệ học sinh yếu kém.Tỷ lệ trung bình trên 83%
		Đạt từ 6.5 - 7.9	25.70%	28.00%	8.95%	
		Đạt từ 5.0 - 6.4	43.50%	40.00%	-8.05%	
		Đạt từ 3.5 - 4.9	20.40%	15.00%	-26.47%	
		Đạt từ 0 - 3.4	3.70%	2.00%	-45.95%	
		Trên Trung bình (≥5.0)	**75.90%**	**83.00%**	**9.35%**	
4	VẬT LÍ	Đạt từ 8.0 - 10	40.60%	40.00%	-1.48%	Tăng chỉ tiêu Trung bình lên 95%.
		Đạt từ 6.5 - 7.9	35.50%	35.00%	-1.41%	
		Đạt từ 5.0 - 6.4	17.90%	20.00%	11.73%	
		Đạt từ 3.5 - 4.9	6.10%	5.00%	-18.03%	
		Trên Trung bình (≥5.0)	**93.90%**	**95.00%**	**1.17%**	
5	HÓA HỌC	Đạt từ 8.0 - 10	26.40%	26.00%	-1.52%	Nâng tỷ lệ nđiểm giỏi, giữ ổn định ở mức trên 95% trung bình.
		Đạt từ 6.5 - 7.9	35.90%	36.00%	0.28%	
		Đạt từ 5.0 - 6.4	33.20%	34.00%	2.41%	
		Đạt từ 3.5 - 4.9	4.20%	3.00%	-28.57%	
		Đạt từ 0 - 3.4	0.30%	1.00%	233.33%	
		Trên Trung bình (≥5.0)	**95.50%**	**95.00%**	**-0.52%**	
6	SINH HỌC	Đạt từ 8.0 - 10	23.60%	25.00%	5.93%	Phấn đấu xóa bỏ hoàn toàn điểm kém dưới 3.5, nâng tye lệ Trung bình trên 95%.
		Đạt từ 6.5 - 7.9	42.00%	45.00%	7.14%	
		Đạt từ 5.0 - 6.4	27.70%	25.00%	-9.75%	
		Đạt từ 3.5 - 4.9	6.40%	5.00%	-21.88%	
		Đạt từ 0 - 3.4	0.30%	0.00%	-100.00%	
		Trên Trung bình (≥5.0)	**93.30%**	**95.00%**	**1.82%**	
7	LỊCH SỬ	Đạt từ 8.0 - 10	26.10%	25.00%	-4.21%	Tăng tỷ lệ Trên trung bình từ
		Đạt từ 6.5 - 7.9	44.40%	45.00%	1.35%	
		Đạt từ 5.0 - 6.4	23.20%	25.00%	7.76%	
		Đạt từ 3.5 - 4.9	6.20%	5.00%	-19.35%	
		Đạt từ 0 - 3.4	0.10%	0.00%	-100.00%	

		Trên Trung bình (≥5.0)	**93.70%**	**95.00%**	**1.39%**	93.7% lên 95%.
8	ĐỊA LÍ	Đạt từ 8.0 - 10	27.80%	30.00%	7.91%	Nâng tỷ lệ điểm giỏi, điều chỉnh mục tiêu an toàn ở mức 97%.
		Đạt từ 6.5 - 7.9	54.40%	50.00%	-8.09%	
		Đạt từ 5.0 - 6.4	17.30%	17.00%	-1.73%	
		Đạt từ 3.5 - 4.9	0.40%	3.00%	650.00%	
		Trên Trung bình (≥5.0)	**99.60%**	**97.00%**	**-2.61%**	
9	KT & PL	Đạt từ 8.0 - 10	8.54%	15.00%	75.64%	Nâng tỷ lệ học sinh khá giỏi lên cao hơn và tỷ lệ trung bình trên 95%.
		Đạt từ 6.5 - 7.9	50.18%	50.00%	-0.36%	
		Đạt từ 5.0 - 6.4	35.94%	30.00%	-16.53%	
		Đạt từ 3.5 - 4.9	5.16%	4.00%	-22.48%	
		Đạt từ 0 - 3.4	0.18%	1.00%	455.56%	
		Trên Trung bình (≥5.0)	**94.70%**	**95.00%**	**0.32%**	
10	GDQP-AN	Đạt từ 8.0 - 10	39.69%	35.00%	-11.82%	Duy trì mục tiêu xuất sắc 100% đạt trung bình trở lên.
		Đạt từ 6.5 - 7.9	58.46%	55.00%	-5.92%	
		Đạt từ 5.0 - 6.4	1.85%	10.00%	440.54%	
		Trên Trung bình (≥5.0)	**100.00%**	**100.00%**	**0.00%**	
11	TIN HỌC	Đạt từ 8.0 - 10	48.20%	40.00%	-17.01%	Nâng tỷ lệ điểm giỏi, duy trì tỉ lệ trung bình trên 98%.
		Đạt từ 6.5 - 7.9	42.70%	50.00%	17.10%	
		Đạt từ 5.0 - 6.4	8.60%	8.00%	-6.98%	
		Đạt từ 3.5 - 4.9	0.50%	2.00%	300.00%	
		Trên Trung bình (≥5.0)	**99.50%**	**98.00%**	**-1.51%**	
12	CNCN	Đạt từ 8.0 - 10	16.70%	16.00%	-4.19%	Giữ vững thành tích 100% đạt trung bình trở lên.
		Đạt từ 6.5 - 7.9	66.30%	67.00%	1.06%	
		Đạt từ 5.0 - 6.4	17.00%	17.00%	0.00%	
		Trên Trung bình (≥5.0)	**100.00%**	**100.00%**	**0.00%**	
13	CNNN	Đạt từ 8.0 - 10	11.50%	15.00%	30.43%	Nâng tỷ lệ điểm giỏi, giữ ổn đinh tỷ lệ trung bình trên 97%.
		Đạt từ 6.5 - 7.9	62.00%	60.00%	-3.23%	
		Đạt từ 5.0 - 6.4	24.00%	22.00%	-8.33%	
		Đạt từ 3.5 - 4.9	2.40%	3.00%	25.00%	
		Trên Trung bình (≥5.0)	**97.60%**	**97.00%**	**-0.61%**	

Bảng 3. Nhiệm vụ học tập đối với các lớp

Lớp	Sĩ số	Nhiệm vụ Hạn chế học bị kiểm tra lại, nếu có thì tối đa theo số liệu các lớp sau
10A1	40	Thi lại không quá 1
10A2	42	Thi lại không quá 1
10A3	43	Thi lại không quá 1
10A4	42	Thi lại không quá 1
10A5	50	Thi lại không quá 5
10A6	48	Thi lại không quá 5
10A7	44	Thi lại không quá 5
10A8	49	Thi lại không quá 5
10A9	52	Thi lại không quá 15
10A10	46	Thi lại không quá 15
11A1	34	0
11A2	34	0
11A3	34	0
11A4	40	Thi lại không quá 1
11A5	29	Thi lại không quá 1
11A6	42	Thi lại không quá 1
11A7	37	Thi lại không quá 1
11A8	31	Thi lại không quá 3
11A9	28	Thi lại không quá 3
12A1	42	0
12A2	40	0
12A3	38	0
12A4	43	Không đủ ĐK dự thi TN không quá 1
12A5	41	Không đủ ĐK dự thi TN không quá 1
12A6	39	Không đủ ĐK dự thi TN không quá 1
12A7	42	Không đủ ĐK dự thi TN không quá 1
12A8	49	Không đủ ĐK dự thi TN không quá 1
12A9	48	Không đủ ĐK dự thi TN không quá 1

** Số liệu ở bảng 3, Nhiệm vụ học tập đối với các lớp. Không áp dụng đối với các trường hợp khách quan, GVCN có đầy đủ nguồn minh chứng, sẽ được lãnh đạo xem xét.*

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ ĐỊNH HƯỚNG TRIỂN KHAI THEO HƯỚNG DẪN NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2026 - 2027

1. Tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch dạy học môn học và hoạt động giáo dục bảo đảm đầy đủ yêu cầu cần đạt, đúng thời lượng, phù hợp đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị, học liệu, quy mô và đặc điểm học sinh; không cắt xén nội dung, thời lượng hoặc tổ chức thực hiện mang tính hình thức. Rà soát, cập nhật học liệu; khai thác hiệu quả học liệu số và tài nguyên giáo dục mở.

2. Đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

Tổ chức dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, khả năng tự học và vận dụng kiến thức của học sinh; tăng cường thực hành, thí nghiệm, trải nghiệm, giải quyết vấn đề; sử dụng phù hợp công nghệ số, học liệu số và trí tuệ nhân tạo. Kịp thời hỗ trợ học sinh chưa đáp ứng yêu cầu cần đạt và tạo cơ hội phát triển cho học sinh có năng khiếu.

3. Đổi mới kiểm tra, đánh giá và sử dụng dữ liệu chất lượng

Thực hiện đánh giá khách quan, công bằng, vì sự tiến bộ của học sinh; kết hợp phù hợp đánh giá thường xuyên và định kỳ; nội dung đánh giá bám yêu cầu cần đạt, chú trọng hiểu, vận dụng và hạn chế học thuộc máy móc. Tổ chuyên môn thống nhất ma trận, bản đặc tả, câu hỏi, đáp án, hướng dẫn chấm; xây dựng và khai thác ngân hàng câu hỏi dùng chung. Sau mỗi đợt kiểm tra, phân tích phổ điểm, câu hỏi sai nhiều, nhóm học sinh cần hỗ trợ và điều chỉnh dạy học. Việc kiểm tra, khảo sát, thi thử không dùng để xếp hạng, gây áp lực thành tích.

4. Phát triển chất lượng giáo dục theo hướng thực chất

Lấy kết quả năm học 2025 - 2026 và kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 làm căn cứ xác định mục tiêu chất lượng; tập trung thu hẹp chênh lệch giữa kết quả học bạ và năng lực thực tế. Duy trì các nhiệm vụ hoàn thành chất lượng môn học đã xây dựng trong kế hoạch, đồng thời phát triển thành cơ chế đăng ký chất lượng theo từng môn, từng khối, từng lớp và từng giáo viên; theo dõi tiến độ, phân tích nguyên nhân và điều chỉnh giải pháp theo từng giai đoạn.

5. Bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục, duy trì sĩ số và hỗ trợ học sinh

Rà soát học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh dân tộc thiểu số, học sinh có nguy cơ bỏ học hoặc gián đoạn học tập; phối hợp gia đình, chính quyền địa phương và các lực lượng liên quan để hỗ trợ. Giáo viên chủ nhiệm và giáo viên bộ môn theo dõi chuyên cần, kết quả học tập và mức độ tiến bộ; tổ chức phụ đạo theo nhóm nhỏ, có mục tiêu và mốc kiểm tra lại.

6. Chuyển đổi số, học bạ số, năng lực số và trí tuệ nhân tạo

Cập nhật dữ liệu học sinh, giáo viên và học bạ số đầy đủ, chính xác; giảm việc yêu cầu cung cấp lại thông tin đã có. Bồi dưỡng giáo viên sử dụng nền tảng số, học liệu số và AI trong thiết kế bài dạy, tạo câu hỏi, phân tích dữ liệu và cá nhân hóa học tập. Hướng dẫn học sinh sử dụng AI an toàn, có trách nhiệm, trung

thực; kiểm chứng thông tin, tôn trọng bản quyền, bảo vệ dữ liệu cá nhân và không sử dụng AI để gian lận.

7. Trải nghiệm, hướng nghiệp, giáo dục địa phương và STEM/STEAM

Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp thiết thực, an toàn; gắn với kỹ năng sống, trách nhiệm cá nhân, cộng đồng và lựa chọn môn học, ngành nghề, năng lực cá nhân. Tổ chức giáo dục địa phương gắn với lịch sử, văn hóa, môi trường, kinh tế và đặc trưng địa phương. Phát triển STEM/STEAM, nghiên cứu khoa học, kỹ thuật gắn với môn học, chuyên đề, trải nghiệm và hướng nghiệp; không chạy theo phong trào hoặc sản phẩm hình thức.

8. Ngoại ngữ, thể chất, y tế trường học và môi trường giáo dục an toàn

Từng bước mở rộng môi trường giao tiếp và sử dụng tiếng Anh phù hợp điều kiện nhà trường; duy trì các hoạt động câu lạc bộ, nghe - nói - đọc - viết. Thực hiện đầy đủ Giáo dục thể chất, GDQP-AN; tăng cường phòng chống tai nạn thương tích, đuối nước, cháy nổ, bạo lực học đường, ma túy và nguy cơ trên môi trường mạng; thực hiện y tế trường học, an toàn thực phẩm, nước sạch và vệ sinh môi trường.

9. Quản trị nhà trường, sinh hoạt chuyên môn và trách nhiệm giải trình

Đổi mới quản trị theo hướng rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm; giảm hồ sơ, thủ tục hành chính. Tổ chuyên môn sinh hoạt theo hướng nghiên cứu bài học, chia sẻ học liệu, phân tích dữ liệu; tăng cường sinh hoạt chuyên môn trực tiếp kết hợp trực tuyến và chủ động chia sẻ mô hình hiệu quả. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm về chất lượng và hiệu quả thực hiện Chương trình; tổ trưởng, giáo viên bộ môn, giáo viên chủ nhiệm chịu trách nhiệm theo phạm vi nhiệm vụ được giao.

10. Cơ chế giao nhiệm vụ và theo dõi hoàn thành nhiệm vụ môn học năm học 2026 - 2027

10.1. Nguyên tắc: Việc giao nhiệm vụ hoàn thành môn học là một nội dung trọng tâm của kế hoạch giáo dục; lấy chất lượng năm học 2025 - 2026 làm dữ liệu tham chiếu, đồng thời căn cứ kết quả phân tích học sinh, đặc điểm lớp được phân công, yêu cầu cần đạt của chương trình và mục tiêu chung của nhà trường để xác định nhiệm vụ phù hợp.

10.2. Nội dung nhiệm vụ: Mỗi giáo viên bộ môn phải hoàn thành nhiệm vụ đối với các lớp/khối được phân công, gồm tối thiểu: tỷ lệ học sinh đạt từ 8,0 - 10; từ 6,5 - 7,9; từ 5,0 - 6,4; từ 3,5 - 4,9; từ 0 - 3,4; tỷ lệ đạt từ 5,0 trở lên. Đối với lớp 12, bổ sung mục tiêu điểm trung bình môn thi tốt nghiệp, tỷ lệ học sinh dưới 5,0 và giải pháp hỗ trợ nhóm nguy cơ.

10.3. Quy trình: Nhà trường phân tích, tổng hợp chất lượng môn học 2025 - 2026 → Giao nhiệm vụ trung bình môn cho tổ trưởng chuyên môn/nhóm trưởng môn học → Tổ trưởng giao nhiệm cụ thể cho giáo viên theo lớp → tổ chuyên môn thảo luận, điều chỉnh và thống nhất → Ban Giám hiệu thẩm định và phê duyệt trong kế hoạch hoạt động tổ chuyên môn → giáo viên thực hiện và cập nhật dữ liệu → sau kiểm tra giữa kỳ, sơ kết học kỳ I → điều chỉnh giải pháp, không tùy tiện hạ mục tiêu đã đăng ký.

10.4. Gắn nhiệm vụ với giải pháp: Mỗi mức nhiệm vụ phải kèm giải pháp cụ thể về phân hóa đối tượng, phụ đạo học sinh chưa đạt, bồi dưỡng học sinh khá giỏi, đổi mới kiểm tra đánh giá, khai thác dữ liệu sau kiểm tra và phối hợp với giáo viên chủ nhiệm, cha mẹ học sinh khi cần thiết *(Hướng dẫn cha mẹ học sinh hỗ trợ học sinh học trên OLM với giáo viên)*.

10.5. Theo dõi và đánh giá: Chuyên môn nhà trường tổng hợp dữ liệu theo định kỳ/học kỳ; tổ chuyên môn phân tích mức độ hoàn thành theo từng lớp và giáo viên. Cuối học kỳ I và cuối năm học đối chiếu thực tế với mức đã đăng ký, xác định nguyên nhân đạt/chưa đạt và đề xuất biện pháp cải tiến. Thi đua gắn với chất lượng và sự tiến bộ của học sinh, không chỉ căn cứ vào tỷ lệ điểm cao.

10.6. Kiểm soát tính thực chất: Thực hiện nguyên tắc đánh giá trung thực, khách quan; nhà trường tiếp tục kiểm soát độ lệch giữa điểm kiểm tra thường xuyên và điểm kiểm tra định kỳ theo quy định nội bộ đã xác định trong kế hoạch; kịp thời rà soát những trường hợp bất thường để bảo đảm chất lượng đánh giá.

Ghi chú: Đối với khối 12, tổ chuyên môn bổ sung mục tiêu điểm trung bình môn thi tốt nghiệp, tỷ lệ học sinh dưới 5,0 và danh sách nhóm học sinh cần hỗ trợ. Nhiệm vụ đăng ký phải gắn với lớp/đối tượng thực tế được phân công và được cập nhật sau các đợt đánh giá theo kế hoạch.

IV. NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC

1. Quản lý chất lượng, kiểm tra đánh giá và liêm chính học thuật

Đánh giá thực chất: Xây dựng ma trận đề kiểm tra bám sát yêu cầu cần đạt. Nhà trường kiểm soát chặt chẽ quá trình chấm điểm: Cho phép độ chênh lệch giữa điểm kiểm tra thường xuyên và điểm định kỳ tối đa là 2 điểm để ngăn chặn việc làm đẹp học bạ.

Liêm chính học thuật: Kiên quyết xử lý các hành vi nâng điểm, làm sai lệch hồ sơ. Khai thác nền tảng số và trí tuệ nhân tạo (AI) có kiểm soát: AI chỉ dùng để gợi ý, hỗ trợ; giáo viên phải kiểm chứng thông tin, học sinh không được sử dụng AI để gian lận hay làm thay sản phẩm.

Dạy học phân hóa & Phụ đạo: Lấy dữ liệu điểm thi và khảo sát đầu năm để phân nhóm. Giao "nhiệm vụ tối thiểu" để củng cố nền tảng cho nhóm nguy cơ (dưới 5.0). Phân tích lỗi sai chi tiết sau mỗi kỳ kiểm tra và thi thử để điều chỉnh kế hoạch giảng dạy.

2. Đột phá nghiên cứu KHKT và Giáo dục STEM (Nhiệm vụ bắt buộc)

Hoạt động hướng dẫn nghiên cứu KHKT và STEM được đưa vào Nhiệm vụ hoàn thành của các bộ môn, nghiêm cấm chạy theo hình thức:

Nghiên cứu Khoa học kỹ thuật: Yêu cầu mỗi môn học phải có ít nhất 01 dự án/sản phẩm KHKT cấp trường. Mục tiêu là tuyển chọn và thành lập Đội tuyển dự thi KHKT cấp tỉnh hoàn thiện trước ngày **21/11/2026**. Tổ trưởng chuyên môn chịu trách nhiệm về tiến độ, liêm chính học thuật và tính trung thực của dữ liệu.

Giáo dục STEM: Giao trách nhiệm cho Tổ trưởng, Trưởng môn học các môn KHTN (Vật lí, Hóa học, Sinh học), Tin học, và Kỹ thuật Công nghệ. Mỗi môn phải có ít nhất **05 sản phẩm STEM** để trưng bày tại Ngày hội STEM cấp trường tổ chức vào dịp kỷ niệm Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (**22/12/2026**). Các sản phẩm phải thể hiện quá trình chế tạo thực chất, giải quyết vấn đề thực tiễn của địa phương.

3. Tổ chức thực hiện Chương trình GDPT 2018

Xây dựng kế hoạch dạy học của từng môn học, hoạt động giáo dục bảo đảm đầy đủ yêu cầu cần đạt, đúng thời lượng, không cắt xén nội dung; linh hoạt theo điều kiện đội ngũ, cơ sở vật chất và đặc điểm học sinh. Tổ chức dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực; tăng hoạt động thực hành, vận dụng, trải nghiệm, STEM/STEAM, nghiên cứu khoa học và giải quyết vấn đề thực tiễn. Bố trí thời khóa biểu hợp lý; ưu tiên sử dụng hiệu quả phòng học bộ môn, phòng máy, thiết bị thí nghiệm; tránh dồn tiết gây quá tải cho học sinh. Các tổ chuyên môn rà soát chương trình, thống nhất nội dung cốt lõi, tiến độ, yêu cầu cần đạt và phương án phân hóa học sinh.

4. Nâng cao chất lượng thi tốt nghiệp THPT năm 2027

Ngay từ đầu năm học lớp 12, rà soát kết quả lớp 10, 11 và kết quả bài kiểm tra giữa kỳ 1; lập danh sách học sinh cần hỗ trợ và nhóm học sinh mũi nhọn. Phân nhóm học sinh theo năng lực: nhóm nguy cơ dưới 5,0; nhóm 5,0-6,49; nhóm khá 6,5-7,99; nhóm 8+ để có chương trình hỗ trợ riêng. Mỗi học kỳ cập nhật dữ liệu chất lượng lớp 12 hai lần; mỗi đợt thi thử Giáo viên bộ môn phải có báo cáo phân tích lỗi sai theo học sinh, lớp và môn.

Đề nghị các môn tăng cường thêm trên OLM: Giao bài tập, luyện đề, kiểm tra tính chuyên cần của học sinh, kiểm tra năng lực, sự tiến bộ

- Đối với Toán: củng cố kiến thức nền, kỹ năng xử lý câu nhận biết - thông hiểu, tăng bài toán vận dụng.

- Đối với Ngữ văn: rèn đọc hiểu văn bản ngoài SGK, kỹ năng nghị luận, lập luận, sử dụng dẫn chứng và viết theo yêu cầu đề.

- Đối với Tiếng Anh: duy trì luyện tập ngắn hằng ngày, tăng vốn từ, đọc hiểu, ngữ pháp và chiến thuật làm bài; tổ chức hoạt động giao tiếp và câu lạc bộ.

- Đối với Vật lí, Hóa học, Sinh học: tăng luyện tập dạng Đúng/Sai, trả lời ngắn, xử lý số liệu và vận dụng thực tế.

- Đối với Sử, Địa, GDKT&PL: chuyển từ học thuộc sang đọc - hiểu - phân tích dữ liệu, bản đồ, biểu đồ, tình huống và vận dụng kiến thức.

Tổ chức ít nhất 02 đợt thi thử quy mô toàn trường; sau mỗi đợt dành thời gian chữa lỗi sai và kiểm tra lại bằng đề tương đương.

5. Giáo dục đại trà và phụ đạo học sinh chưa đạt

Mỗi giáo viên lập danh sách học sinh có nguy cơ chưa đạt ngay sau các đợt đánh giá; phối hợp giáo viên chủ nhiệm và cha mẹ học sinh để xây dựng kế hoạch hỗ trợ. Tổ chức phụ đạo theo nhóm nhỏ, tập trung vào kiến thức nền tảng và kỹ năng cốt lõi; ưu tiên Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh và các môn có tỷ lệ dưới trung bình cao. Theo dõi tiến bộ bằng dữ liệu, không chỉ bằng điểm số; học sinh được hỗ trợ phải có mục tiêu cá nhân và mốc kiểm tra lại.

6. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp và giáo dục địa phương

Tổ chức Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo chủ đề, gắn với nhu cầu phát triển bản thân, nghề nghiệp, kỹ năng tài chính, kỹ năng số, sức khỏe tinh thần và trách nhiệm công dân. Tăng tư vấn lựa chọn môn học, tổ hợp môn và định hướng nghề nghiệp; cập nhật thông tin tuyển sinh đại học, giáo dục nghề nghiệp. Thực hiện giáo dục địa phương gắn với lịch sử, văn hóa, môi trường, kinh tế và đặc trưng các dân tộc trên địa bàn Đắk Lắk (theo tài liệu).

7. Giáo dục dân tộc, công bằng trong tiếp cận giáo dục và chống bỏ học

Rà soát hoàn cảnh từng học sinh có nguy cơ bỏ học; phân công giáo viên chủ nhiệm, Đoàn trường và tổ tư vấn theo dõi. Phối hợp cha mẹ học sinh, chính quyền địa phương và các lực lượng xã hội để hỗ trợ học sinh khó khăn. Tôn trọng sự đa dạng văn hóa; tăng cường giáo dục tiếng Việt, kỹ năng giao tiếp, tự học và hòa nhập cho học sinh dân tộc thiểu số.

8. Chuyển đổi số, học bạ số, năng lực số và AI

Cập nhật đầy đủ, chính xác dữ liệu học sinh, giáo viên và học bạ số; hạn chế yêu cầu cung cấp lại thông tin đã có trên hệ thống. Bồi dưỡng giáo viên về sử dụng nền tảng số, học liệu số, AI trong thiết kế bài dạy, tạo câu hỏi, phân tích dữ liệu và hỗ trợ cá nhân hóa học tập. Giáo dục học sinh về sử dụng AI có trách nhiệm: kiểm chứng thông tin, tôn trọng bản quyền, bảo vệ dữ liệu cá nhân và không sử dụng AI để gian lận. Từng bước xây dựng kho học liệu số dùng chung của trường; số hóa ngân hàng câu hỏi và báo cáo chất lượng.

9. Ngoại ngữ và phát triển môi trường tiếng Anh

Duy trì câu lạc bộ tiếng Anh; tổ chức hoạt động nghe - nói - đọc - viết gắn với tình huống thực tế. Tăng cường sử dụng thiết bị nghe nhìn, học liệu số; xây dựng các hoạt động giao tiếp phù hợp với trình độ học sinh. Theo dõi riêng nhóm học sinh yếu Tiếng Anh để có kế hoạch hỗ trợ; phấn đấu nâng điểm TB môn từ 4,38 lên ít nhất 5,50.

10. Giáo dục thể chất, quốc phòng - an ninh, y tế học đường và an toàn trường học

Thực hiện đầy đủ chương trình Giáo dục thể chất, GDQP-AN; khai thác hiệu quả nhà đa năng, sân chơi, bãi tập. Tổ chức tuyên truyền phòng chống tai nạn thương tích, đuối nước, cháy nổ, ma túy, bạo lực học đường, vi phạm pháp luật và các nguy cơ trên không gian mạng. Thực hiện tốt công tác y tế học đường, vệ sinh trường lớp, nước sạch, an toàn thực phẩm và chăm sóc sức khỏe học sinh.

Xây dựng môi trường học đường an toàn, lành mạnh, dân chủ, kỷ cương; tiếp nhận và xử lý kịp thời phản ánh của học sinh, cha mẹ học sinh.

V. TỔ CHỨC DẠY HỌC, CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ PHỐI HỢP

Dạy học 2 buổi/ngày: Buổi sáng học chính khóa, buổi chiều ưu tiên phụ đạo nhóm nguy cơ, bồi dưỡng chuyên sâu, chuyên đề KHKT/STEM, và ôn thi tốt nghiệp. Việc dạy thêm, học thêm thực hiện đúng quy định hiện hành; không ép buộc học sinh, không biến hoạt động tự nguyện thành bắt buộc.

Cơ sở vật chất: Khai thác tối đa 28 phòng học, phòng thí nghiệm, phòng máy. Ưu tiên sử dụng ngân sách mua hóa chất, vật tư cho các dự án STEM và KHKT. Thực hiện bảo quản, kiểm kê, sửa chữa và sử dụng thiết bị đúng mục đích; khuyến khích giáo viên sử dụng học liệu số trong dạy học, thực hành, thí nhiệm khó.

Phối hợp GVCN – GVBM - Phụ huynh: Thiết lập cơ chế cảnh báo sớm đối với học sinh có khả năng Chưa đạt ở học tập/rèn luyện hoặc có nguy cơ bỏ học. Tổ tư vấn học sinh phối hợp với GVCN hỗ trợ sức khỏe tinh thần, kỹ năng ứng phó căng thẳng, định hướng nghề nghiệp và giải quyết khó khăn trong học tập.

VI. XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ

Phân công chuyên môn phù hợp năng lực: Giao cho tổ chuyên môn đề xuất phân công giáo viên theo khối cả chuyên môn và chủ nhiệm. Lãnh đạo nhà trường điều tiết giáo viên theo khối cho hợp lý và cho bốc thăm lớp chủ nhiệm, lớp dạy. Tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học 2 tuần 1 lần, phân tích dữ liệu học sinh và chia sẻ học liệu. Mỗi tổ chuyên môn xây dựng ít nhất một chuyên đề đổi mới phương pháp/kiểm tra đánh giá hoặc chuyển đổi số trong năm học. Tăng cường tự học, bồi dưỡng thường xuyên, tập huấn chương trình, kiểm tra đánh giá, AI và năng lực số. Gắn trách nhiệm tổ trưởng, giáo viên bộ môn và giáo viên chủ nhiệm với kết quả học tập, sự tiến bộ của học sinh; đồng thời bảo đảm đánh giá công bằng, minh bạch.

VII. ĐÁNH GIÁ THI ĐUA VÀ KỶ LUẬT CHUYÊN MÔN

Việc đánh giá thi đua gắn chặt với chất lượng thực chất, sự tiến bộ của học sinh và mức độ hoàn thành nhiệm vụ đã cam kết. Thiết lập bộ chỉ số theo dõi chất lượng theo tháng/quý: chuyên cần, kết quả kiểm tra, học sinh nguy cơ, điểm trung bình môn, số học sinh dưới 5,0, kết quả thi thử và kết quả tốt nghiệp. Ban Giám hiệu kiểm tra việc thực hiện kế hoạch giáo dục; tổ chuyên môn tự kiểm tra tiến độ, hồ sơ, đề kiểm tra và chất lượng. Sau mỗi học kỳ tổ chức đánh giá giữa kỳ, cuối kỳ về mức độ hoàn thành nhiệm vụ; điều chỉnh kế hoạch khi cần thiết.

Quy định xử lý vi phạm chỉ tiêu: Môn học nào có tỷ lệ 50% nhiệm vụ không hoàn thành *(bao gồm cả nhiệm vụ điểm số trung bình, Hướng dẫn nghiên cứu KHKT, và hướng dẫn học sinh vận dụng kiến thức hình thành sản phẩm STEM…)*. Kết quả

thực hiện Nhiệm vụ môn học là tiêu chí quan trọng để cấp ủy, Ban Giám hiệu xem xét, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của Tổ trưởng, nhóm trưởng môn học

VIII. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN TRỌNG TÂM

Thời gian	Nội dung trọng tâm
Tháng 8 - 9/2026	Hoàn thiện kế hoạch, phân công chuyên môn; khảo sát đầu năm, phân loại học sinh; đăng ký nhiệm vụ hoàn thành và lựa chọn chủ đề KHKT/STEM.
Tháng 10/2026	Đẩy mạnh phụ đạo/bồi dưỡng; triển khai giải pháp nâng cao chất lượng; phát triển mô hình KHKT/STEM.
Tháng 11/2026	Kiểm tra giữa kỳ I và phân tích phổ điểm. Tuyển chọn và thành lập Đội tuyển dự thi KHKT cấp tỉnh (hoàn thành trước **21/11/2026**).
Tháng 12/2026	Tổ chức **Ngày hội STEM cấp trường** (**22/12/2026**).
Tháng 1 - 3/2027	Sơ kết học kỳ I; thi thử lần 1 khối 12; phân tích lỗi sai và điều chỉnh nhóm học sinh yếu kém.
Tháng 4 - 5/2027	Thi thử lần 2; hoàn thiện hồ sơ dự thi. Tổ chức tổng kết, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn và thi đua của các tổ bộ môn.
Tháng 6 - 7/2027	Tổ chức thi tốt nghiệp THPT, phân tích kết quả làm cơ sở cho năm học sau.

IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM

Hiệu trưởng: Chịu trách nhiệm toàn diện về quản trị, chất lượng, kỷ cương; giám sát trực tiếp việc thực hiện "dạy thật, đánh giá thật" và tiến độ thi đua. Chỉ đạo chung; phê duyệt kế hoạch; chịu trách nhiệm về chất lượng, an toàn, quản trị và tổ chức thực hiện.

Phó Hiệu trưởng chuyên môn: Chỉ đạo tổ chức thi thử, phân tích phổ điểm, hướng dẫn các tổ bộ môn triển khai các dự án KHKT và STEM. Tham mưu xây dựng kế hoạch; chỉ đạo tổ chuyên môn, kiểm tra đánh giá, thi thử, phân tích dữ liệu và nâng cao chất lượng.

Phó Hiệu trưởng/Phụ trách các lĩnh vực: Chỉ đạo hoạt động học sinh, cơ sở vật chất, nề nếp, trải nghiệm, hướng nghiệp, chuyển đổi số theo phân công.

Tổ trưởng chuyên môn: Trực tiếp chịu trách nhiệm về số lượng/chất lượng 05 sản phẩm STEM và 01 dự án KHKT; đôn đốc giáo viên thực hiện nhiệm vụ chất lượng điểm số; chịu hình thức kỷ luật nếu 50% nhiệm vụ không đạt. Xây dựng kế hoạch tổ; tổ chức dạy học; ngân hàng câu hỏi; phân tích chất lượng; chịu trách nhiệm về tiến bộ môn học.

Giáo viên bộ môn, GVCN: Chấm điểm trung thực, phụ đạo sát đối tượng, cập nhật dữ liệu tiến bộ và lưu minh chứng. Thực hiện chương trình; đánh giá thực chất; phụ đạo/bồi dưỡng; phân tích lỗi sai; cập nhật dữ liệu học sinh. Theo dõi chuyên cần, học tập, hoàn cảnh; phối hợp phụ huynh; hỗ trợ học sinh nguy cơ.

Tổ tư vấn - CNTT - GD địa phương: Tư vấn học sinh, chuyển đổi số, AI, dữ liệu, học liệu số và giáo dục địa phương.

Đoàn TNCS Hồ Chí Minh: Giáo dục lý tưởng, kỹ năng, văn hóa học đường; tổ chức phong trào, câu lạc bộ và tình nguyện.

Bộ phận văn phòng, thiết bị, thư viện, y tế: Bảo đảm hồ sơ, dữ liệu, thiết bị, thư viện, y tế và các điều kiện phục vụ dạy học.

X. CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO

Tổ chuyên môn báo cáo tiến độ chương trình, kết quả kiểm tra và các vấn đề phát sinh theo tháng/học kỳ. GVCN cập nhật tình hình chuyên cần, học sinh có nguy cơ bỏ học và kết quả học tập theo quy định của nhà trường. Bộ phận chuyên môn tổng hợp dữ liệu chất lượng theo tháng; báo cáo Ban Giám hiệu và đề xuất điều chỉnh. Kết thúc học kỳ I và năm học, nhà trường tổ chức đánh giá toàn diện việc thực hiện kế hoạch, trong đó có đối chiếu các nhiệm vụ đã đăng ký.

XI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Kế hoạch này là căn cứ để các tổ chuyên môn, tổ văn phòng, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn, các bộ phận và tổ chức đoàn thể xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể. Trong quá trình thực hiện, nếu có văn bản mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Lắk hoặc có thay đổi về điều kiện thực tế, nhà trường chủ động điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

Hiệu trưởng yêu cầu toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh nghiêm túc thực hiện; phát huy tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, sáng tạo, lấy sự tiến bộ và phát triển của học sinh làm trung tâm.

Nơi nhận:
- Sở GD&ĐT Đắk Lắk (để b/c);
- Đảng uỷ; BGH (để chỉ đạo);
- Các Tổ CM, Đoàn thể (T/h);
- Đăng bảng tin, Web;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐẮK LẮK
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TRẦN ĐẠI NGHĨA

Lê Văn Nhất

PHỤ LỤC 1: TỔ HỢP MÔN HỌC LỰA CHỌN NĂM HỌC 2026-2027

Lớp	Tổ hợp 4 môn lựa chọn	Chuyên đề học tập	Ghi chú
10A1	Lý - Hóa -Sinh - Tin	Toán, Vật Lý, Hóa học	
10A2	Lý - Hóa -Sinh - Tin	Toán, Vật Lý, Hóa học	
10A3	Lý - Hóa -Sinh - Tin	Toán, Vật Lý, Hóa học	
10A4	Lý - Hóa -Sinh - Tin	Toán, Vật Lý, Hóa học	
10A5	Hóa,, Địa, GDKT&PL, Công nghệ CN	Toán, Văn, Hóa	
10A6	Hóa,, Địa, GDKT&PL, Công nghệ CN	Toán, Văn, Hóa	
10A7	Hóa,, Địa, GDKT&PL, Công nghệ CN	Toán, Văn, Hóa	
10A8	Hóa,, Địa, GDKT&PL, Công nghệ CN	Toán, Văn, Hóa	
10A9	Sinh, Địa, Công nghệ NN, Tin	Toán, Văn, CNNN	
10A10	Sinh, Địa, Công nghệ NN, Tin	Toán, Văn, CNNN	
11A1	Lý - Hóa -Tin - Công nghệ CN	Toán, Vật Lý, Hóa Học	
11A2	Lý - Hóa -Tin - Công nghệ CN	Toán, Vật Lý, Hóa Học	
11A3	Lý - Hóa -Tin - Công nghệ CN	Toán, Vật Lý, Hóa Học	
11A4	Hóa - Sinh -Địa - Công nghệ NN	Toán, Hóa, Sinh học	
11A5	Hóa,, Địa, GDKT&PL, Công nghệ NN	Toán, Văn, CN NN	
11A6	Hóa,, Địa, GDKT&PL, Công nghệ NN	Toán, Văn, CN NN	
11A7	Hóa,, Địa, GDKT&PL, Công nghệ NN	Toán, Văn, CN NN	
11A8	Sinh, GDKT&P, Công nghệ-NN, Tin	Toán, Văn, CNNN	
11A9	Sinh, GDKT&P, Công nghệ-NN, Tin	Toán, Văn, CNNN	
12A1	Lý - Hóa - Sinh -Tin	Toán, Vật Lý, Hóa Học	
12A2	Lý - Hóa - Sinh -Tin	Toán, Vật Lý, Hóa Học	
12A3	Lý - Hóa - Sinh -Tin	Toán, Vật Lý, Hóa Học	
12A4	Địa, Công nghệ-CN, Hóa, Tin học	Toán, Văn, Hóa Học	
12A5	Địa, Công nghệ-CN, Hóa, Tin học	Toán, Văn, Hóa Học	
12A6	Địa, Công nghệ-CN, Hóa, Tin học	Toán, Văn, Hóa Học	

12A7	Địa, Công nghệ-CN, Hóa, Tin học	Toán, Văn, Hóa Học	
12A8	Địa, GDKT&PL, Sinh, Công nghệ-CN	Toán, Văn, Công nghệ	
12A9	Địa, GDKT&PL, Sinh, Công nghệ-CN	Toán, Văn, Công nghệ	

PHỤ LỤC 2: KHUNG THEO DÕI CHẤT LƯỢNG KHỐI 12

Mốc	Đối tượng	Sản phẩm	Chủ trì
Đợt khảo sát đầu năm	100% HS	Phân nhóm nguy cơ và mũi nhọn	GVCN + GV bộ môn
Kiểm tra giữa kỳ I	100% lớp	Phân tích phổ điểm và lỗi sai	Tổ chuyên môn
Thi thử lần 1	Toàn khối 12	Mục tiêu ĐTB ≥5,5; xác định HS <5	PHT chuyên môn
Thi thử lần 2	Toàn khối 12	Mục tiêu ĐTB ≥6,0; giảm nhóm <5	PHT + Tổ CM
Trước thi chính thức	100% HS	Không có HS chưa được hỗ trợ	GVCN + GV bộ môn

PHỤ LỤC 3. ƯU TIÊN GIẢI PHÁP THEO MÔN THI

Môn	TB 2026	Trọng tâm	Mục tiêu
Toán	4,77	Giảm tỷ lệ dưới 5; củng cố nền tảng, luyện dạng chuẩn hóa	≥5,50
Ngữ văn	5,31	Đọc hiểu ngoài SGK; nghị luận; lập luận và dẫn chứng	≥6,25
Tiếng Anh	4,38	Luyện hằng ngày; từ vựng, đọc hiểu, ngữ pháp	≥5,50
Vật lí	4,71	Nhận biết-thông hiểu; Đúng/Sai; trả lời ngắn; vận dụng	≥5,50
Hóa học	5,27	Duy trì ổn định; tăng vận dụng và phân hóa	≥6,00
Sinh học	5,40	Củng cố nền tảng; dữ liệu và vận dụng	≥5,70
Lịch sử	5,50	Đọc hiểu, dữ liệu, bản chất sự kiện	≥6,50
Địa lí	4,50	Bản đồ, bảng số liệu, biểu đồ, nhận xét	≥5,50
GDKT&PL	4,81	Tình huống, vận dụng pháp luật và kinh tế	≥5,50